Ký bởi: HĐND tỉnh Thanh Hóa
Giờ ký:17/10/2026 10:55:34

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 88/NQ-HĐND	*Thanh Hóa, ngày 17 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 3)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 7

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị quyết của Quốc hội: Số 245/2025/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2025 về dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 246/2025/QH15 ngày 14 tháng 11 năm 2025 về phân bổ ngân sách trung ương năm 2026;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 2638/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 2661/QĐ-TTg ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc giao chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2026; số 2691/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc giao kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước năm 2026 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương;

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Số 705/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về phân bổ dự toán chi ngân sách địa phương năm 2026, tỉnh Thanh Hóa; số 706/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 về Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa; số 37/NQ-HĐND ngày 27 tháng 5 năm 2026 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 1); số 56/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2026 về việc điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 2);

Xét Tờ trình số 194/TTr-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 3); Báo cáo thẩm tra số 1595/BC-KTNS ngày 16 tháng 10 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách nhà nước năm 2026, tỉnh Thanh Hóa (đợt 3), cụ thể như sau:

1. Tổng kế hoạch vốn điều chỉnh: 67.274,18 triệu đồng, trong đó:

1.1. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 05 dự án từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh để bố trí cho 07 dự án, với số vốn: 39.371 triệu đồng.

1.2. Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn của 04 dự án từ nguồn chi xây dựng cơ bản tập trung trong nước để bố trí cho 05 dự án, với số vốn: 27.903,18 triệu đồng.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn: Vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tại Nghị quyết số 706/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2026 tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XIX, Kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2026 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Nguyễn Hồng Phong

Phụ lục

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026 DO TỈNH QUẢN LÝ (ĐỢT 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 88/NQ-HĐND ngày 17 tháng 10 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
	TỔNG SỐ						6.171.621	3.667.951	4.055.684	2.210.177	2.025.374	1.367.211	1.252.897	373.486,382	67.274,18	67.274,18	373.486,382		
A	ĐIỀU CHỈNH GIẢM KẾ HOẠCH VỐN						5.058.204	3.156.705	3.514.123	2.019.163	1.544.081	1.137.542	948.604	373.486,382	67.274,18		306.212,202		
I	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách cấp tỉnh**						4.277.162	2.462.291	2.942.261	1.533.929	1.334.901	928.362	732.538	281.686,382	39.371		242.315,382		
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ dí dân xã Hải Hà, tỉnh Thanh Hóa	Các Phường: Hải Bình, Đào Duy Từ, Tĩnh Gia	7790733	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng kỹ thuật	3033/QĐ-UBND ngày 10/8/2021; 1721/QĐ-UBND ngày 22/5/2023; 4648/QĐ-UBND ngày 25/11/2024; 1397/QĐ-UBND ngày 12/5/2026; 123/QĐ-UBND ngày 24/7/2026	971.990	763.899	688.989	480.898	283.001	283.001	283.001	19.524	8.617		10.907	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn.
2	Đường giao thông nối Quốc lộ 217 với Quốc lộ 45 và Quốc lộ 47.	Xã Định Tân, Yên Định, Thiệu Tiến, Xuân Lập, Thọ Xuân, Thọ Long, Thọ Ngọc	7284551	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	4495/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 494/QĐ-UBND ngày 29/01/2024; 2474/QĐ-UBND ngày 16/7/2025; 1576/QĐ-UBND ngày 31/5/2026	921.000	921.000	570.013	570.013	350.987	350.987	350.987	175.462,382	4.373		171.089,382	Sở Xây dựng; UBND các xã: Định Tân, Yên Định, Thiệu Tiến, Xuân Lập, Thọ Xuân, Thọ Long, Thọ Ngọc	
	Trong đó:																		
-	*Phần GPMB do UBND xã Thọ Long làm chủ đầu tư*	Xã Thọ Long				1501/QĐ-UBND ngày 22/5/2026	51.364	51.364	20.075	20.075	31.289	31.289		28.306,057	4.373		23.933,057	UBND xã Thọ Long	Dự án hoàn thành GPMB, không còn nhu cầu sử dụng vốn
3	Đường giao thông từ xã Ban Công đi điểm du lịch bản Đôn, xã Thành Lâm, huyện Bá Thước.	Xã Pù Luông	8017258	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	631/QĐ-UBND ngày 27/02/2023	41.580	3.780	37.800		3.780	3.780	3.780	3.400	3.400			UBND xã Pù Luông	Dự án hoàn thành đang quyết toán; không còn nhu cầu sử dụng vốn.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
4	Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, vay vốn WB.	Thị xã Nghi Sơn (cũ)	7629551	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Phát triển đô thị và Hạ tầng kỹ thuật	1658/QĐ-BNN-HTQT ngày 4/5/2017; 286/QĐ-BNN-HTQT ngày 21/01/2019; 5996/QĐ-BNN-HTQT ngày 29/12/2023; 615/QĐ-BNN-KH ngày 28/02/2024; 4270/QĐ-UBND ngày 17/10/2019; 3217/QĐ-UBND ngày 26/9/2022; 1249/QĐ-TTg ngày 26/10/2023; 1752/QĐ-UBND ngày 02/5/2024	2.314.277	753.842	1.628.914	475.018	685.363	278.824	83.000	83.000	22.786		60.214	Ban Quản lý Khu kinh tế Nghi Sơn và các khu công nghiệp	Dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn.
5	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đền thờ Lê Phụng Hiểu, xã Hoằng Sơn	Xã Hoằng Sơn	7741245	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	790/QĐ-UBND ngày 12/3/2024; 3549/QĐ-UBND ngày 13/11/2025	28.315	19.770	16.545	8.000	11.770	11.770	11.770	300	195		105	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Dự án đang điều chỉnh, không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.
II	**Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước**						**781.042**	**694.414**	**571.862**	**485.234**	**209.180**	**209.180**	**216.066**	**91.800**	**27.903,18**		**63.896,82**		
1	Đường giao thông từ cầu Thắng Phủ (xã Quảng Ngọc) đi Quốc lộ 1A (xã Quảng Bình), huyện Quảng Xương.	Quảng Ngọc, Quảng Bình	7930644; 7998276	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2182/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	220.000	175.468	152.732	108.200	67.268	67.268	67.268	49.700	10.886		38.814	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn.
2	Tuyến đường Tây Sầm Sơn 5 (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến QL 47) và đường Hai Bà Trưng (Đoạn từ Đại lộ Nam Sông Mã đến đường Trần Hưng Đạo), thành phố Sầm Sơn.	Phường Sầm Sơn	7804746	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	4532/QĐ-UBND ngày 31/10/2019; 4070/QĐ-UBND ngày 25/9/2020; 1560/QĐ-UBND ngày 19/4/2024; 3525/QĐ- UBND ngày 10/11/2025	369.533	369.533	285.985	285.985	83.548	83.548	83.548	30.000	11.000		19.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
3	Đường giao thông từ xã Đông Nam đến đường vành đai phía Tây thành phố Thanh Hóa tại xã Đông Quang, huyện Đông Sơn.	Phường Hạc Thành	7913080	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	2188/QĐ-UBND ngày 22/6/2022; 3525/QĐ-UBND ngày 10/11/2025	159.378	117.282	102.096	60.000	57.282	57.282	57.282	11.000	6.000		5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Dự án không có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn.
4	Công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.	Phường Sầm Sơn	7664081	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Xã hội	3079/QĐ-UBND ngày 18/9/2026	32.131	32.131	31.049	31.049	1.082	1.082	7.968	1.100	17,18		1.082,82	Sở Nội vụ	Dự án hoàn thành, đang phê duyệt quyết toán; không còn nhu cầu sử dụng vốn.
B	**ĐIỀU CHỈNH TĂNG KẾ HOẠCH VỐN**						**1.113.417**	**511.246**	**541.561**	**191.014**	**481.293**	**229.669**	**304.293**			**67.274,18**	**67.274,18**		
I	**Vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết về ngân sách tỉnh**						**473.553**	**212.179**	**261.374**		**121.616**	**121.616**	**121.616**			**39.371**	**39.371**		
a	***Dự án hoàn thành sau năm 2026***						***473.553***	***212.179***	***261.374***		***121.616***	***121.616***	***121.616***			***39.371***	***39.371***		
1	Khu tái định cư số 01 tại xã Các Sơn, thị xã Nghi Sơn phục vụ giải phóng mặt bằng khu công nghiệp CN-20, Khu kinh tế Nghi Sơn	Xã Các Sơn	8105147	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng TĐC	7391/QĐ-UBND ngày 30/8/2025; 2036/QĐ-UBND ngày 6/7/2026	45.995	16.492	29.503		9.201	9.201	9.201			5.000	5.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn để hoàn thành công tác GPMB và quyết toán dự án.
2	Hạ tầng Khu tái định cư xã Phú Lâm phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Nhà máy điện mặt trời Thanh Hóa I tại xã Phú Lâm, thị xã Nghi Sơn	Phường Trúc Lâm	8096834	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng TĐC	5206/QĐ-UBND ngày 09/7/2024; 2015/QĐ-UBND ngày 6/7/2026	40.983	9.747	31.236		3.019	3.019	3.019			1.500	1.500	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn để hoàn thành công tác GPMB và quyết toán dự án.
3	Đầu tư mở rộng nghĩa trang nhân dân tại phường Ninh Hải, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Hải Lĩnh	8104433	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng kỹ thuật	7330/QĐ-UBND ngày 27/8/2024; 2039/QĐ-UBND ngày 6/7/2026	71.910	19.361	52.549		1.656	1.656	1.656			176	176	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn để hoàn thành công tác GPMB và quyết toán dự án.
4	Hạ tầng khu tái định cư xã Tùng Lâm phục vụ GPMB dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trúc Lâm	8106617	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng TĐC	7528/QĐ-UBND ngày 06/9/2024; 2019/QĐ-UBND ngày 6/7/2026	47.199	19.408	27.791		12.500	12.500	12.500			8.000	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn để thực hiện công tác GPMB và hoàn thành dự án.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
5	Hạ tầng khu tái định cư xã Phú Lâm phục vụ GPMB dự án Khu công nghiệp Đồng Vàng tại Khu kinh tế Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa	Phường Trúc Lâm	8099667	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Hạ tầng TĐC	5506/QĐ-UBND ngày 19/7/2024; 2018/QĐ-UBND ngày 6/7/2026	68.595	22.509	46.086		10.000	10.000	10.000			8.000	8.000	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn để thực hiện công tác GPMB và hoàn thành dự án.
6	Nâng cấp, mở rộng đường giao thông từ Quốc lộ 1A đi khu công nghiệp số 20 qua phường Hải Lĩnh và xã Định Hải, thị xã Nghi Sơn	phường Hải Lĩnh	8110631	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Giao thông	7698/QĐ-UBND ngày 17/9/2024; 2017/QĐ-UBND ngày 6/7/2026	110.873	72.322	38.551		32.900	32.900	32.900			5.000	5.000	Ban QLDA ĐTXD các công trình dân dụng và công nghiệp	Bố trí vốn để hoàn thành công tác GPMB và tiếp tục triển khai thực hiện dự án.
7	Đầu tư hệ thống thoát nước cho các khu công nghiệp phía Đông Bắc (kênh Cầu Cứu và kênh Núi Cốc) - Khu kinh tế Nghi Sơn	Phường Hải Bình	8085023	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Lĩnh vực Khu công nghiệp và khu kinh tế	3832/QĐ-UBND ngày 24/9/2024; 1397/QĐ-UBND ngày 12/5/2026; 1920/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	87.998	52.340	35.658		52.340	52.340	52.340			11.695	11.695	Ban Quản lý KKT Nghi Sơn và các KCN	Bố trí vốn để hoàn thành công tác GPMB và tiếp tục triển khai thực hiện dự án.
II	**Chi xây dựng cơ bản vốn tập trung trong nước**						**639.864**	**299.067**	**280.187**	**191.014**	**359.677**	**108.053**	**182.677**			**27.903,18**	**27.903,18**		
a	***Dự án đã hoàn thành có quyết toán được duyệt***						***285.572***	***199.399***	***276.187***	***190.014***	***9.385***	***9.385***	***9.385***			***9.385***	***9.385***		
1	Xây dựng mới trạm bơm Yên Tôn, xã Vĩnh Quang, huyện Vĩnh Lộc (thay thế trạm bơm Yên Tôn, xã Vĩnh Yên, huyện Vĩnh Lộc).	Xã Tây Đô	7929436	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	482/QĐ-UBND ngày 10/2/2026	105.815	105.815	103.990	103.990	1.825	1.825	1.825			1.825	1.825	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và PTNT	Bố trí vốn để thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
2	Khu neo đậu tàu thuyền phục vụ di dân, tái định cư xã Hải Hà, huyện Tĩnh Gia (nay là thị xã Nghi Sơn).	Phường Hải Bình	7790735	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	1913/QĐ-UBND ngày 30/6/2026	60.524	60.524	58.042	58.042	2.482	2.482	2.482			2.482	2.482	Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
3	Đường nối Khu di tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.	Xã Lam Sơn và xã Kiên Thọ	7583319	Kho bạc nhà nước khu vực XI	Giao thông	1640/QĐ-UBND ngày 03/6/2026	28.919	28.919	27.200	27.200	1.719	1.719	1.719			1.719	1.719	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.

STT	Nguồn vốn/Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Mã số dự án	Địa điểm mở tài khoản	Ngành, lĩnh vực	Quyết định đầu tư (hoặc quyết định chủ trương đầu tư, quyết định phê duyệt quyết toán)			Lũy kế vốn đã bố trí đến hết kế hoạch năm 2025		Số vốn còn thiếu đến hết kế hoạch năm 2025		Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030	Kế hoạch vốn năm 2026	Số vốn năm 2026 điều chỉnh		Kế hoạch vốn năm 2026 sau khi điều chỉnh	Chủ đầu tư	Ghi chú
						Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh			Điều chỉnh giảm (-)	Điều chỉnh tăng (+)			
							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Vốn ngân sách cấp tỉnh											
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
4	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá sông Lý, huyện Quảng Xương (nay là xã Tiên Trang).	Xã Tiên Trang	7559511	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản	1889/QĐ-UBND ngày 29/6/2026	90.314	4.141	86.955	782	3.359	3.359	3.359			3.359	3.359	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Thanh toán số vốn còn thiếu theo quyết toán được duyệt.
b	***Dự án khởi công mới năm 2026***						*354.292*	*99.668*	*4.000*	*1.000*	*350.292*	*98.668*	*173.292*			*18.518,18*	*18.518,18*		
1	Dự án Bảo tồn, phục hồi, tôn tạo một số hạng mục công trình thuộc khu vực Thành nội Di sản văn hóa Thế giới Thành Nhà Hồ (Nhóm dự án số 3, giai đoạn 1)	Xã Tây Đô	7928896	Kho bạc Nhà nước khu vực XI	Văn hóa	2925/QĐ-UBND ngày 28/8/2025; 2671/QĐ-UBND ngày 23/8/2026	354.292	99.668	4.000	1.000	350.292	98.668	173.292			18.518,18	18.518,18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Bố trí vốn để thực hiện công tác GPMB